

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thành.

Ông Hồ Văn Kỳ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017, về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Kim Đ, sinh năm 1981. Cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trương L, sinh năm 1981. Cư trú tại: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 02/08/2017 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Kim Đ trình bày:

Chị Võ Thị Kim Đ và anh Trương L tự nguyện thương yêu nhau thời gian khoảng 3 năm thì được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới. Hai người tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08/02/2006, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp nên thường xuyên cãi vã xúc

phạm nhau, vợ chồng nhiều lần xảy ra xô ẩu, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ tháng 6/2014 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau, hiện tại mỗi người đã có cuộc sống riêng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương L.

Về con chung: Chị Võ Thị Kim Đ trình bày vợ chồng có 01 người con chung là cháu Trương Võ Quỳnh N, sinh ngày 14/3/2006, hiện đang sống cùng với chị Đ. Chị Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Đ không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần gì của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Trương L nhưng trong thời hạn luật định anh L không có bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Tòa án đã nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L đều vắng mặt.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình anh Trương L cho biết đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho anh L gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Gia đình đã giao lại cho anh L, nhưng do bận công việc nên anh L không đến Tòa án được.

Tại phiên tòa ngày 19/9/2017, mặc dù đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh L vắng mặt lần thứ nhất, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, ấn định ngày mở lại phiên tòa 26/9/2017 và tiếp tục tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập anh L nhưng anh L tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, cố tình cản trở, vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim Đ về việc xin ly hôn anh Trương L. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ về việc nuôi con, giao cháu Trương Võ Quỳnh N, sinh ngày 14/3/2006 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập anh Trương L là hợp lệ nhưng anh L cố tình cản trở tố tụng, vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, các phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kim Đ và anh Trương L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/02/2006, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ, anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nên hai người thường xuyên cãi vã, xúc phạm và xảy ra xô ẩu, anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ tháng 6/2014 cho đến nay hai người sống ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tòa án đã nhiều lần thông báo mở phiên hòa giải về quan hệ hôn nhân của vợ chồng nhưng anh L đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, hiện cháu Trương Võ Quỳnh N, sinh ngày 14/3/2006 đang sống cùng với chị Đ, cháu N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Đ, giao cháu N cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử đã giải thích quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nhưng chị Đ không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Kim Đ trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Võ Thị Kim Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Kim Đ. Chị Võ Thị Kim Đ được ly hôn anh Trương L.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Trương Võ Quỳnh N, sinh ngày 14/3/2006 cho chị Võ Thị Kim Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trương L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương L có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Võ Thị Kim Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001570 ngày 02/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Đ đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T.T-Huế;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS Phú Lộc;
- UBND xã L, huyện P, tỉnh T.T-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Sang